

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Y  
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST

Ngày 24/4/2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con khi ly hôn .

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y TỈNH NAM ĐỊNH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Hạnh, bà Nguyễn Thị Hải

Thư ký Toà án: Ông Vũ Văn Anh - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Y.

Ngày 24/4/2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2018/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXX- ST ngày 12/4/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị L - Sinh năm 1977

Địa chỉ: Xóm 5 - Bình Khang, xã K, Yên M, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Đỗ Trọng Th - Sinh năm 1972

Địa chỉ: Mễ Hạ, xã Y K, huyện Y, tỉnh Nam Định.

*Chị L có mặt tại phiên toà, anh Th có đơn xin giải quyết vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***1. Trong đơn khởi kiện, các lời khai nguyên đơn chị Ngô Thị L trình bày:***

Chị và anh Đỗ Trọng Th kết hôn với nhau năm 2003, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y K. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống. Đến nay mâu thuẫn giữa vợ chồng chị ngày càng trầm trọng, cuộc sống không có hạnh phúc nên anh chị đã chủ động sống ly thân từ đầu năm 2015. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

Anh chị có 02 cháu là Đỗ Thái H sinh ngày 24/3/2004 và Đỗ Anh T sinh ngày 25/12/2008. Chị L xin được nuôi dưỡng cháu T, chị để cháu H cho anh Th nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***2. Tại bản tự khai anh Th xác định:***

Về thời gian và điều kiện kết hôn phù hợp với lời khai của chị L. Theo anh, sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên hay

cãi nhau. Anh chị sống ly thân từ năm 2015 đến nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn chị L.

Về con chung: Anh chị có 02 cháu là Đỗ Thái H và Đỗ Anh T. Chị L xin được nuôi dưỡng cháu **T**, chị để cháu **H** cho anh Th nuôi dưỡng, anh Th hoàn toàn nhất trí.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa:*

Chị La xin được ly hôn anh Th. Chị L xin được nuôi dưỡng cháu **T**, chị để cháu **Huy** cho anh Th nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì anh Th có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Toà án không tiến hành hoà giải được (Theo Khoản 1 Điều 207 BLTTDS) và đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 227 BLTTDS.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận Định:

[1] Về tố tụng: Anh Đỗ Trọng Th có hộ khẩu thường trú tại thôn Mễ Hạ, xã Y K, huyện Y, tỉnh Nam Định. Yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn của chị L, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Y là phù hợp quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định: Hôn nhân giữa chị Ngô Thị L và anh Đỗ Trọng Th được xác lập năm 2003 là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do giữa vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh chị không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng làm cho mâu thuẫn ngày càng phức tạp. Chị L xin ly hôn, anh Th nhất trí, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 cháu là Đỗ Thái H sinh ngày 24/3/2004 và Đỗ Anh **T** sinh ngày 25/12/2008. Chị L xin được nuôi dưỡng cháu **T**, chị để cháu **H** cho anh Th nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Th nhất trí với ý kiến của chị L về con chung. Xét nguyện vọng của chị L, anh Th và điều kiện thực tế hiện nay, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. HĐXX xét thấy nên giao cháu **H** cho anh Th nuôi dưỡng, giao cháu **T** cho chị L nuôi dưỡng,

không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định luật Hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật TTD; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Ngô Thị L và anh Đỗ Trọng Th.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Anh T sinh ngày 25/12/2008 cho chị L nuôi dưỡng, giao cháu Đỗ Thái H sinh ngày 24/3/2004 cho anh Th nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

4. Về án phí: Án phí sơ thẩm ly hôn: Chị L phải nộp 300.000 đồng. Đối trừ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BB/2012/08480 ngày 01/3/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Y, chị L đã nộp đủ.

Chị L được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Th được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 03 bản;
- UBND xã Yên Khang: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 1 bản;
- Lưu VP.

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Hiền**